TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ,** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2022
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Phước Tường
2. Ông Tống Văn Tư
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Cao Trần Khắc Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 572/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc Tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đ.
Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh G**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền G.
Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị G vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 08/11/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 17/02/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày: Do quen biết nên anh và chị G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gỗ với nhau nên không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 26/01/2020. Ly hôn anh đồng ý giao cháu Phú cho chị G nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 17/02/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh G trình bày thống nhất như lời trình bày của của anh L về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh L yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Phú, sinh ngày 26/01/2020. Chị đồng ý nuôi dưỡng cháu Phú và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L và chị Nguyễn Thị Thanh G xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019. Anh L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cự cãi nên không còn hạnh phúc. Vì vậy anh và chị đã ly thân nhau tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Nay anh L xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thế tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu xin ly hôn với chị. Theo xác nhận của Trưởng ấp ấp Lợi An, xã Thanh Mỹ thì việc anh L và chị G có sự bất đồng ý kiến và xung đột với nhau và đã sống ly thân Trong thời gian ly thân chị G cũng không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và chị G cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh L có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh L với chị G có một con chung Nguyễn Thanh P, sinh ngày 26/01/2020. Anh L đồng ý giao cháu Phú cho chị G nuôi dưỡng. Hiện tại cháu P cũng đang ở với chị G và chị G cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Phú. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị G nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, anh L không cấp dưỡng nuôi cháu Phú, chị G cũng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Phú nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Anh L và chị G tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L và chị G xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyễn Thanh L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 26/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Thanh G tiếp tục nuôi dưỡng anh Nguyễn Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phú, do anh chị G chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 0001127 ngày 30/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G. Vậy anh L đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh L, chị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn,
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nhật Trường